

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương và bà Lê Thị Ngọc Phụng.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 02-3-2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1999.

Bị đơn: Anh Võ Minh Thành H, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số M, đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Quỳnh N và anh Võ Minh Thành H thỏa thuận - thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao con chung Võ Minh Nhật H1, sinh ngày 30/6/2021 cho chị Nguyễn Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Võ Minh Thành H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày 01/8/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và chị Nguyễn Quỳnh N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng mà anh Võ Minh Thành H chậm trả tiền thì phải chịu trả lãi suất trên số tiền và thời gian chậm cấp dưỡng, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Võ Minh Thành H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Quỳnh N tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000662 ngày 01- 3- 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Minh Thành H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tp K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung